PUBLIC TRAINING SCHEDULE 2025

TRAINING COURSE	Fees	Duration	Q1			Q2			Q3			Q4		
	(VNĐ)	(Day)	JAN	FEB	MAR	APR	MAY	JUN	JUL	AUG	SEP	OCT	NOV	DEC
Train The Trainer 3+ (TTT3+) *Đào tạo giảng viên nội bộ chuẩn 3+*	12,890,000	03	17-18-19 (HCM)	21-22-23 (HCM)	28-29-30 (HCM)	11-12-13 (HN)	16-17-18 (HCM)	27-28-29 (HCM)	25- 26-27 (HN)	08- 09-10 (HCM)	26- 27-28 (HCM)	17-18-19 (HN)	07-08-09 (HCM)	19-20-21 (HCM)
On The Job Coaching (OJC) *Kỹ năng kèm cặp và huấn luyện nhân viên*	8,890,000	02			14-15	18-19					20-21		15-16	
U - Maximize Management (UMM) *Nâng cao năng lực quản lý bền vững*	8,890,000	02	17-18		21-22		23-24		18-19		27-28			05-06
Program Design With Tech (PDT) *Ứng dụng công nghệ thiết kế khóa học*	6,890,000	02	18-19		22-23		24-25		19-20		27-28		29-30	
Effective Communication Skills * *Kỹ năng giao tiếp hiệu quả*	5,000,000	02			14-15		30-31		10-11		07-08		22-23	
Leading Emotional (LEM) *Lãnh đạo bằng trí tuệ cảm xúc*	8,890,000	02		14-15		04-05		20-21		25-26		17-18		13-14
High Impact Presentation Skills * *Kỹ năng thuyết trình thuyết phục*	6,890,000	02	11-12			19-20			12-13			18-19		20-21
Professional Selling Skills * *Kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp*	5,000,000	02		15-16			24-25			22-23			15-16	
Problem Solving * *Kỹ năng giải quyết vấn đề*	6,890,000	02	04-05			05-06				09-10			15-16	
Planning And Organizational Skills * *Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả*	6,890,000	02	18-19			19-20			19-20			25-26		
Training Performance Management (TPM) *Quản lý hiệu suất đào tạo*	8,890,000	02			15-16			21-22			20-21			13-14
Training Plan Design & Delivery (TPD) *Xây dựng kế hoạch đào tạo*	8,890,000	02	11-12	15-16			24-25			23-24			22-23	
Evaluate To Perform (EP) * *Quản lý hiệu suất bằng đánh giá*	6,890,000	02	04-05			05-06				09-10			15-16	